

Bản án số: 584/2020/HS-PT
Ngày 09 tháng 12 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 656/TL-PT ngày 24 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Mạnh D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 250/2020/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1979; nơi ĐKKHKT: Phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Đường N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: ca sỹ tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim H và bà Phạm Ngọc N; có vợ Nguyễn Thị Thanh H (đã ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2014/HSST ngày 15/5/2014 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh D:** NBC - Do Tòa án chỉ định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình và bản án hình

sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 30/11/2018, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận C, thành phố Hà Nội làm nhiệm vụ tại khu vực trước cổng C1 bến xe N phát hiện bắt quả tang Ngân Thị S tay phải đang xách 01 bao tải màu trắng nghi vấn chứa ma túy nên đã yêu cầu kiểm tra. Quá trình kiểm tra phát hiện trong bao tải gạo S đang cầm trên tay có 01 gói nilon màu đen bên ngoài quần băng dính trắng, bên trong có: 08 túi nilon màu xanh, 02 túi nilon màu hồng (tổng 10 túi), bên trong mỗi túi đựng 200 viên nén màu hồng hình tròn (tổng là 2.000 viên); 01 túi nilon màu xanh bên trong đựng các tinh thể màu trắng, Ngân Thị S khai là ma túy S nhận vận chuyển thuê từ Thanh Hóa đi Hà Nội để giao cho một người đàn ông tên D và nhận tiền công 15.000.000 đồng. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng, bên trong có sim số 0868224683; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh trắng, bên trong có sim số 0941253198 và số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Qua thông tin do Ngân Thị S cung cấp, tổ công tác tiếp tục theo dõi và phát hiện 01 đối tượng nam giới điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Forte màu xanh, BKS: 30Z-5110 di chuyển từ hướng V đi G dừng trước cổng bến xe N có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra. Đối tượng nam giới tên Nguyễn Mạnh D đầu thú về việc D đang trên đường đến bến xe N gặp một người phụ nữ để nhận ma túy. Tổ công tác đã dẫn giải hai đối tượng trên về Công an phường H, quận M, thành phố Hà Nội để điều tra làm rõ. Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Mạnh D: 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Forte màu xanh, BKS: 30Z-5110; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S7 màu bạc, bên trong có sim số 0971219083 và số tiền 243.100.000 (hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm nghìn) đồng.

Kết luận giám định số 9096/KLGD-PC09 ngày 06/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận:

- 2.000 viên nén hình tròn màu hồng bên trong 10 túi nilon (trong đó có 08 túi nilon màu xanh và 02 túi nilon màu hồng) đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 181,899 gam;

- Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 733,350 gam.

Quá trình điều tra, Ngân Thị S khai:

Từ năm 2014, Ngân Thị S lấy chồng và sinh sống tại thôn M, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 24/11/2018 đến ngày 30/11/2018, S về nhà tại bản T, xã L, huyện M, tỉnh Thanh Hóa để thăm mẹ ốm. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 29/11/2018, S đi đến khu ruộng cách nhà 02 km để cắt cỏ cho bò, tại đây S gặp một người đàn ông dân tộc Mông, khoảng 40 tuổi (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể); sau khi nói chuyện biết S ngày 30/11/2018 sẽ đi Quảng Ninh nên người đàn ông đặt vấn đề thuê S vận chuyển ma túy từ Thanh Hóa đi Hà Nội giao cho một

người đàn ông tên D, sử dụng số điện thoại 0971219083 sẽ được nhận tiền công 15.000.000 (*mười lăm triệu*) đồng, S đồng ý. Sau đó, người đàn ông giao cho S 01 gói nilon màu đen bên ngoài dán kín bằng băng dính màu trắng, bên trong chứa ma túy rồi dặn S không được mở túi nilon, không được giao cho ai khác ngoài D và sau khi giao ma túy trót lọt thì nhận 15.000.000 đồng tiền công vận chuyển ma túy từ D. Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 30/11/2018, Ngân Thị S giấu gói ma túy trong bao tải gạo rồi đi xe khách từ Thanh Hóa về Hà Nội. Trên đường đi, S liên lạc với D qua số điện thoại 0971219083 và hẹn gặp tại cổng bến xe N để giao nhận ma túy. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, S xuống đến bến xe N và xách theo bao tải gạo bên trong có ma túy đứng đợi D thì bị công an kiểm tra, bắt giữ quả tang cùng tang vật.

Quá trình điều tra Nguyễn Mạnh D khai:

Ngày 23/11/2018, có một người bạn xã hội của D tên S1 ở M, Thanh Hóa, sử dụng số điện thoại 0398586476, D lưu trong điện thoại là “T 76” (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) liên lạc đến số điện thoại 0971219083 của D đặt vấn đề nhờ D bán hộ 1.000 viên ma túy hồng phiến, D không biết chỗ bán nên không nhận lời. Ngày 29/11/2018, do có ý định tổ chức sinh nhật với bạn bè nên D gọi điện cho S1 để mua 1.000 viên ma túy hồng phiến với giá 250.000.000 đồng về sử dụng, sau này D thay đổi lời khai mua 1.000 viên ma túy hồng phiến với giá 25.000.000 đồng. S1 đồng ý và bảo ngày mai có chị gái S1 trên đường về Quảng Ninh sẽ cầm ma túy qua Hà Nội đưa cho D; chị gái S1 sẽ chủ động liên lạc với D để D ra đón và giao nhận ma túy. S1 và D thỏa thuận, D sẽ đưa cho người phụ nữ đó 15.000.000 đồng tiền công vận chuyển, sau này S1 sẽ trừ vào tiền D mua ma túy của S1.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 30/11/2018, D nhận được tin nhắn từ số điện thoại 0941253198 với nội dung “*Ank ơi em đang đi rồi*”, D gọi điện cho S1, S1 xác nhận số điện thoại trên là của người vận chuyển ma túy. D và người phụ nữ vận chuyển ma túy liên lạc với nhau và hẹn giao nhận ma túy tại bến xe Y nhưng do không bắt được xe nên người phụ nữ vận chuyển ma túy và D hẹn gặp nhau tại cổng bến xe N. Khi D điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS: 30Z – 5110 màu xanh đến cổng C1 bến xe N để đón người giao ma túy thì thấy công an đang kiểm tra một người phụ nữ, D biết người đó chính là người phụ nữ vận chuyển ma túy cho mình. Ngay sau đó, D bị công an yêu cầu dừng xe và D đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại biên bản kiểm tra điện thoại và kết quả rút list điện thoại thu giữ của Nguyễn Mạnh D và Ngân Thị S xác định D, S và người đàn ông tên S1 sử dụng số điện thoại 0398586476 nhiều lần liên lạc với nhau, thời gian liên lạc, vị trí cột sóng phù hợp với lời khai của Nguyễn Mạnh D và Ngân Thị S về việc S vận chuyển ma túy từ M, Thanh Hóa ra Hà Nội giao cho D.

Kết quả kiểm tra điện thoại của D thu giữ được nhiều tin nhắn có nội dung trao đổi mua bán ma túy và cung cấp thông tin về người vận chuyển ma túy với

người đàn ông tên S1 sử dụng số điện thoại 0398586476.

Mặc dù tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Mạnh D chỉ thừa nhận việc mua 1.000 viên ma túy của S1 với giá 25.000.000 đồng, không phải mua toàn bộ số ma túy mà Ngân Thị S vận chuyển, tuy nhiên căn cứ vào đặc điểm gói ma túy Công an thu giữ là 01 gói nilon màu đen bên ngoài dán kín bằng băng dính màu trắng, phù hợp với lời khai của Ngân Thị S về việc người đàn ông thuê S vận chuyển ma túy đưa S túi ma túy trên và dặn không được mở túi nilon, không được giao túi nilon chứa ma túy trên cho ai khác ngoài D. Từ đó, đủ căn cứ xác định Nguyễn Mạnh D phải chịu trách nhiệm về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đối với toàn bộ số ma túy Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Mạnh D về việc D mua ma túy của người đàn ông tên S1 ở M, Thanh Hóa, sử dụng số điện thoại 0398586476 và tin nhắn thu giữ được trong điện thoại của Nguyễn Mạnh D, Cơ quan điều tra xác định: Ngân Thị S có 01 người em trai tên Ngân Văn S1 (sinh năm 1985, trú tại xã L, huyện M, tỉnh Thanh Hóa). Ngân Thị S, sinh năm 1983 là chị gái đầu và chị gái duy nhất của S1, phù hợp với nội dung tin nhắn S1 đã nhắn cho D.

Xác minh chủ thuê bao số điện thoại 0398586476 của người đàn ông bán ma túy cho D là thuê bao trả trước, đăng ký thuê bao mang tên Lê Thị S2 (sinh ngày 07/9/1986; địa chỉ: Đắk Lắk; CMTND số 241185419 do công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 9/5/2007). Công an tỉnh Đắk Lắk xác định tại địa phương có chị Lê Thị S2 (sinh ngày 07/9/1986, nguyên quán: Thanh Hóa, CMTND số 241185419 do công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/5/2007) đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ trên, tuy nhiên chị S2 đã đi khỏi địa phương từ năm 2016, đến nay chị S2 đi đâu, làm gì địa phương không nắm được. Công an huyện M, Thanh Hóa xác định Ngân Văn S1 có vợ là Lê Thị S2, sinh năm 1986, hiện cùng sinh sống tại xã L, huyện M, tỉnh Thanh Hóa.

Ngân Văn S1 khai nhận có sử dụng số điện thoại 0398586476 từ cuối năm 2015 và đăng ký chính chủ mang tên Ngân Văn S1; đến tháng 2/2019 S1 cho mẹ là bà Hoàng Thị Y sử dụng số điện thoại trên. Ngân Văn S1 khai nhận quen biết Nguyễn Mạnh D do cùng đi thi hành án tại phân trại số 5 Trại giam T, Thanh Hóa (S1 nhận dạng được D). Sau khi ra trại, S1 vài lần liên lạc với D, nhưng từ đó đến nay không liên lạc lại; S1 phủ nhận việc ngày 30/11/2018 liên lạc với Nguyễn Mạnh D, không mua bán ma túy với D. Ngân Văn S1 không biết và không liên quan đến việc Ngân Thị S vận chuyển trái phép chất ma túy.

Lê Thị S2 (vợ S1) khai: năm 2017, chị S2 mua và đăng ký chính chủ số thuê bao điện thoại 0398586476, sau đó đưa cho chồng là Ngân Văn S1 sử dụng; hiện chị S2 không biết số điện thoại trên đang ở đâu và ai là người sử dụng.

Bà Hoàng Thị Y (mẹ S1 và S) khai phù hợp với lời khai của S về việc trước thời điểm bị bắt S có về M, Thanh Hóa để thăm mẹ. Liên quan đến lời khai của S1 về việc cho bà Y số điện thoại 0398586476 để sử dụng, bà Y khai bản thân chủ yếu sống một mình tại chòi ở rẫy thuộc bản T, xã L; bà Y không sử dụng điện

thoại, không biết số điện thoại của S và S1, không liên quan đến hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của Ngân Thị S.

Tại Cơ quan điều tra, Ngân Thị S khẳng định Ngân Văn S1 không phải là người thuê S vận chuyển ma túy; Nguyễn Mạnh D không nhận dạng được Ngân Văn S1 là người bán ma túy cho mình. Kết quả xác minh, tính đến ngày 23/7/2019, số thuê bao điện thoại 0398586476 vẫn đang được sử dụng, vị trí cột sóng phát sinh các cuộc gọi tại xã L, huyện M, Thanh Hóa tuy nhiên Cơ quan điều tra không thu được sim số điện thoại trên. Tiến hành xác minh chủ thuê bao các số điện thoại thường xuyên liên lạc đến số điện thoại 0398586476 để xác định Ngân Văn S1 có phải là người sử dụng số điện thoại trên hay không nhưng hiện nay các chủ thuê bao trên không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ. Ngày 15/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định tách tài liệu liên quan đến đối tượng Ngân Văn S1 và số điện thoại 0398586476 để điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông khoảng 40 tuổi, người Ngân Thị S khai gặp tại khu ruộng cách nhà 02km thuê S vận chuyển ma túy, do S không biết tên, tuổi, địa chỉ và số điện thoại cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Đối với chiếc xe ô tô BKS: 30Z-5110, Nguyễn Mạnh D khai là của mẹ D là bà Phạm Ngọc N. Bà N đưa D 415.000.000 đồng để mua chiếc xe ô tô trên của anh Đào Tiến B về kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái, nhưng D và anh B chưa viết giấy tờ mua bán xe. Ngày 30/11/2018, D mượn chiếc xe ô tô trên của gia đình rồi đi ra bến xe N để nhận ma túy thì bị công an phát hiện, bắt giữ. Bà Phạm Ngọc N không biết D sử dụng xe ô tô để đi nhận ma túy và không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của D.

Xác minh đăng ký chủ xe ô tô BKS: 30Z-5110 là của anh Lại Trung H (sinh năm 1990, ĐKKHKT: thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội) không phải xe vật chứng. Anh H khai mua chiếc xe ô tô trên vào năm 2010 với giá 600.000.000 đồng tại cửa hàng mua bán ô tô ở đường C, quận L, thành phố Hà Nội và đăng ký chính chủ mang tên Lại Trung H. Đến đầu năm 2012 do không còn nhu cầu sử dụng nên anh Hiếu đã bán lại chiếc xe trên cho anh Đào Tiến B với giá 500.000.000 đồng.

Anh Đào Tiến B (trú tại: khu đô thị V, phường G, quận L, thành phố Hà Nội) khai phù hợp với lời khai của anh Lại Trung H và Nguyễn Mạnh D về nguồn gốc chiếc xe ô tô trên; anh B khai ngày 11/11/2018 đã bán lại xe ô tô BKS: 30Z-5110 cho Nguyễn Mạnh D với giá 415.000.000 đồng, anh B đã giao xe và giấy tờ xe cho D nhưng chưa viết giấy tờ mua bán xe do D bảo khi nào D bán chiếc xe trên cho người khác thì sẽ gặp anh B để hoàn thiện thủ tục.

Đối với số tiền 243.100.000 đồng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Mạnh D; D khai phù hợp với lời khai của bà N (mẹ D) về việc cách thời điểm bị bắt một tuần, D vay của bà 270.000.000 đồng để kinh doanh; D đã dùng

một phần số tiền trên để chi tiêu cá nhân, còn lại thì bị Cơ quan điều tra thu giữ. Ngày 28/4/2019, bà Phạm Ngọc N có đơn xin lại chiếc xe ô tô BKS: 30Z – 5110 và số tiền 243.100.000 đồng; xét thấy chiếc xe ô tô và số tiền trên là tài sản của bà N, không liên quan đến hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Nguyễn Mạnh D nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe ô tô và số tiền trên cho bà Phạm Ngọc N.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 250/2020/HSST ngày 14 tháng 07 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mạnh D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh D tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quY kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/7/2020 bị cáo Nguyễn Mạnh D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Mạnh D vẫn giữ nguyên các lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và thừa nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm quy kết. Bị cáo Nguyễn Mạnh D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo do thấy mức hình phạt sơ thẩm nặng. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị xử phạt mức án cao như vậy là không thỏa đáng. Bị cáo nộp các tài liệu thể hiện gia đình có công với cách mạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm. Sau khi phân tích, đánh giá hành vi của bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Mạnh D do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy trong tiệc sinh nhật, nên đã mua số lượng lớn ma túy để sử dụng. Bị cáo mua ma túy không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Mặc dù bị cáo chưa nhận được ma túy nhưng hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự là chính xác. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo xuất trình các tài liệu mới thể hiện bố bị cáo tham gia chiến đấu tại các mặt trận Thừa Thiên, Sài Gòn được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang; ông bà nội bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương. Đồng thời trong vụ án này việc bị cáo đầu thú đã giúp các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố xét xử vụ án được nhanh chóng. Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Mặt khác, tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là tội nhẹ hơn tội Vận chuyển trái phép chất ma túy. Tòa án cấp sơ thẩm

xử phạt bị cáo D bằng mức hình phạt bị cáo S là chưa phân hóa tội phạm, chưa đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và chính sách khoan hồng của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo 20 năm tù là phù hợp.

- NBC cho bị cáo D tranh luận: Bị cáo thành khẩn khai báo, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều luật cho bị cáo về việc bị cáo phạm tội chưa đạt, vì thực tế bị cáo chưa nhận ma túy. Việc xử phạt bị cáo bằng mức hình phạt bị cáo S là quá nghiêm khắc. Do vậy, kính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt mức thấp nhất của khung hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo đều thừa nhận: Ngày 30/11/2018, Công an quận C, Hà Nội bắt quả tang Nguyễn Mạnh D khi đang chờ nhận lượng ma túy cân nặng 915,249gam, loại Methamphetamine từ Ngân Thị S để sử dụng trong tiệc sinh nhật. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Kết luận giám định số 9096/KLGD-PC09 ngày 06/12/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội; phù hợp với biên bản kiểm tra điện thoại thu giữ của D, của S và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Mạnh D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo D, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo có ý thức tàng trữ trái phép ma túy với trọng lượng rất lớn là 915,249 gam Methamphetamine, hành vi phạm tội này của bị cáo là rất nguy hiểm, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy và là một trong các nguyên nhân gây ra sự bất ổn, tội phạm trong cho xã hội. Khi phạm tội bị cáo D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đầu thú hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải, ông bà nội và bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng, khai báo thành khẩn trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn nhận tội, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo xuất trình các tài liệu thể hiện bố bị cáo tham gia chiến đấu tại các mặt trận Thừa Thiên, Sài Gòn được Nhà nước tặng thưởng Huy

chương chiến sỹ vẻ vang; ông bà nội bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương. Đồng thời, trong vụ án này thấy rằng bị cáo đầu thú đã giúp các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố xét xử vụ án được nhanh chóng. Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Mặt khác, tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là tội nhẹ hơn tội Vận chuyển trái phép chất ma túy. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo D bằng mức hình phạt bị cáo S là chưa phân hóa tội phạm, chưa đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và chính sách khoan hồng của pháp luật. Việc bị cáo chưa nhận được ma túy, không đồng nghĩa với việc bị cáo phạm tội chưa đạt như ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo, do vậy mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt (15 năm tù) là không tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt đối với bị cáo là tù chung thân về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bằng mức hình phạt đối với bị cáo Ngân Thị S bị xét xử về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là có nghiêm khắc, chưa phù hợp với chính sách pháp luật, chưa thể hiện sự khoan hồng và phân hóa tội phạm. Vì tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là tội nặng hơn tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên hành vi vận chuyển trái phép ma túy phải bị xử phạt nghiêm khắc hơn hành vi tàng trữ trái phép ma túy. Đồng thời, mức hình phạt cao nhất của tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là tù chung thân. Do bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nên quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đề nghị xử phạt bị cáo D 20 năm tù là phù hợp chính sách pháp luật, phân hóa tội phạm và thể hiện tính khoan hồng. ý kiến của luật sư đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo là có cơ sở nhưng việc đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội chưa đạt và xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt là không có căn cứ.

Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo D, để đảm bảo có tính giáo dục riêng, tính khoan hồng và có tác dụng phòng ngừa chung.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh D, sửa bản án sơ thẩm:
2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Mạnh D 20 (hai mươi) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/11/2018.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Mạnh D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam CA thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Điều Văn Hằng